

Vietnam Daily Review

Dấu hiệu hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiểu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/6/2022	•		
Tuần 27/6-1/7/2022	•		
Tháng 6/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường hôm nay vẫn tiếp tục vận động quanh trong vùng 1180 với thanh khoản yếu, cho thấy rõ sự e ngại của nhà đầu tư đối với vùng tâm lý này. Độ rộng thị trường khá cân bằng trong phiên hôm nay với 10/19 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng mạnh nhất thuộc về ngành Bảo hiểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Trong những phiên tới thị trường vẫn có thể sẽ dao động quanh tại cùng 1180 này nếu không có dòng tiền bất phá.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 24/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-3.4** điểm, đóng cửa **1185.48** điểm. HNX-Index **-1.25** điểm, đóng cửa **275.93** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+0.43)**, **BVH (+0.41)**, **VIC(+0.39)**, **SAB (+0.36)**, **DGC (+0.27)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.33)**, **VCB (-1.07)**, **CTG (-0.60)**, **NVL (-0.44)**, **TCB (-0.40)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 8.475 tỷ đồng, giảm **2.73%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 10.180 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 11.37 điểm. Thị trường có **239** mã tăng, 50 mã tham chiếu và **223** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-82.31 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **NVL (-40.17 tỷ)**, **HPG (-39.50 tỷ)**, **MWG (-28.29 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **5.48 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX 1185.48

Giá trị: 8474.92 tỷ -3.4 (-0.29%)

Khối ngoại (ròng): -82.31 tỷ

HNX-INDEX 275.93

Giá trị: 1054.55 tỷ -1.25 (-0.45%)

Khối ngoại (ròng): 5.48 tỷ

UPCOM-INDEX 87.10

Giá trị: 0.61 tỷ 0.4 (0.46%)

Khối ngoại(ròng): 21.02 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	105.1	0.80%
Giá vàng	1,827	0.24%
Tỷ giá USD/VND	23,252	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	24,513	0.32%
Tỷ giá JPY/VND	17,282	0.30%
LS liên NH 1 tháng	2.3%	0.20%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	65.0	NVL	-40.2
KBC	34.7	HPG	-39.5
VCI	30.6	MWG	-28.3
MSN	24.2	HDB	-25.6
NLG	21.9	VHM	-23.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 24/06

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	104.00	-2.03%	-11.56%	-2.99%	41.88%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	109.71	-1.79%	-8.43%	-0.89%	45.20%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	3.75	-2.25%	-5.23%	1.61%	64.36%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1821.87	-0.84%	-1.88%	-2.36%	2.63%	PNJ	
Bạc	USD/ounce	20.97	-1.96%	-4.34%	-5.06%	-19.13%	PNJ	
Đậu tương	UScent/bushel	1593.25	-3.60%	-6.80%	-5.89%	16.19%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	937.25	-4.02%	-13.08%	-18.84%	43.92%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.29	-0.08%	0.00%	-3.15%	41.14%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	270.00	0.22%	5.92%	11.34%	13.97%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.38	-0.38%	-1.08%	-6.94%	8.56%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	2.77	3.75%	3.75%	2.97%	-2.12%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	232.45	-2.58%	0.22%	8.80%	52.53%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	3.76	-4.67%	-8.65%	-12.72%	-12.82%	HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	4289.00	-0.05%	-9.07%	-8.22%	-11.89%		
Nhôm	USD/ton	2470.00	-0.38%	-1.38%	-14.87%	1.68%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	112.00	-4.27%	-15.47%	-15.15%	-48.86%		HPG
Than đá	USD/ton	395.00	0.77%	0.00%	-3.19%	209.80%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu tiếp tục giảm gần 2 USD trong phiên ngày 23/6, sau khi các phát biểu của chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) trước Quốc hội Mỹ dấy lên lo ngại về những đợt tăng lãi suất sẽ làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế.
- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ tăng 0.89% lên 105.20 USD/thùng sáng ngày 24/6. Giá dầu thô Brent giao tháng 8 tăng tới 1.01% lên 110.91 USD/thùng.

Giá vàng

- Giá vàng giảm trong phiên giao dịch ngày 23/6, vì đồng USD tăng sau khi Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) nhấn mạnh chính sách thắt chặt của ngân hàng trung ương nhằm kiềm chế lạm phát.
- Trong phiên giao dịch sáng ngày 24/6, giá vàng giao ngay tăng 0.14% lên 1,823.5 USD/ounce, theo kitco. Trong khi giá vàng giao tháng 8 giảm 0.26% xuống 1,825.1 USD.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn giao tháng 6/2022 ghi nhận mức 255 yen/kg, giảm 5.56% (tương đương 15 yen/kg).
- Trên Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 7/2022 được điều chỉnh lên mức 12,630 nhân dân tệ/tấn, tăng 0.32% (tương đương 40 nhân dân tệ) so với giao dịch trước đó.

Giá nông sản

- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 7/2022 được ghi nhận tại mức 2,069 USD/tấn sau khi giảm 1.34% (tương đương 28 USD).
- Giá cà phê arabica giao tháng 7/2022 tại New York đạt mức 232.45 US cent/pound, giảm 2.58% (tương đương 6.15 US cent).

Thị trường chứng khoán thế giới

	24/6	% 24/6	23/6	% 23/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1185.48	-0.29%	1188.88	1.68%	-2.61%	-6.54%
S&P 500			3795.73	0.95%	0.15%	-2.71%
HĐTL S&P500	3825.25	0.67%	3799.75	0.98%	4.19%	-3.75%
Shang-hai	3349.75	0.89%	3320.15	1.62%	0.99%	9.08%
Euro Stoxx	3475.13	1.13%	3436.29	-0.82%	1.07%	-5.49%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	52	1	-1.89%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

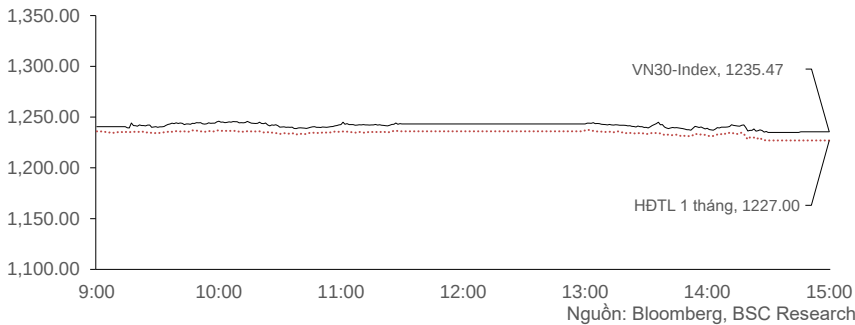
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	SL	18	-11.07%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
5/18/2022	VCI	35	48	32.5	SL	28	-7.14%
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	1	0.00%	-1.89%	-1.89%	1
Cổ phiếu đã chốt	248	219	7.26%	-7.45%	4.26%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2207	1227.00	-0.07%	-8.47	-27.7%	243,816	7/21/2022	27
VN30F2208	1225.10	-0.15%	-10.37	-47.4%	195	8/18/2022	55
VN30F2209	1225.60	0.12%	-9.87	228.6%	184	9/15/2022	83
VN30F2212	1228.00	0.61%	-7.47	25.5%	177	12/15/2022	174

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm 5.11 điểm xuống 1235.47 điểm. Các cổ phiếu như TCB, VPB, MBB, HDB và NVL đã tác động đến nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.
- Các HDTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, có sự cân bằng khi HĐ VN30F2205 và VN30F2206 tăng, VN30F2209 và VN30F2212 giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở hầu hết các HĐ đều giảm, chỉ riêng HĐ VN30F2209 giảm so với phiên trước đó. Nhịp vận động VN30 trong phiên hôm nay quanh ngưỡng 1240 điểm, biên độ và thanh ở mức thấp.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2108	7/6/2022	12	4.95:1	16,200	32.80%	3,280	770	16.67%	224	3.44	95,269	106,835	85,500
CVNM2201	9/21/2022	89	16:1	69,000	25.93%	1,200	270	12.50%	12	22.77	93,508	89,988	71,500
CPDR2202	8/15/2022	52	11.7:1	184,500	32.71%	1,200	120	9.09%	5	22.21	68,781	92,222	52,500
CPNJ2201	9/20/2022	88	8:1	118,200	40.34%	2,300	3,910	7.42%	3,567	1.10	121,020	95,500	122,000
CVRE2206	10/20/2022	118	5:1	5,800	38.58%	1,100	360	5.88%	96	3.76	37,555	35,555	27,550
CVJC2202	9/20/2022	88	20:1	535,000	27.99%	1,100	310	3.33%	36	8.50	163,389	156,789	128,300
CVNM2205	10/20/2022	118	16:1	2,200	25.93%	1,000	490	2.08%	107	4.58	86,559	79,999	71,500
CFPT2201	9/20/2022	88	6.6:1	341,000	32.80%	2,100	1,280	1.59%	757	1.69	98,394	106,000	85,500
CFPT2203	8/1/2022	38	3.3:1	539,400	32.80%	3,800	3,350	1.52%	2,544	1.32	92,286	95,000	85,500
CVNM2204	10/7/2022	105	10:1	540,900	25.93%	1,500	700	0.00%	375	1.87	78,400	73,000	71,500
CVPB2204	11/15/2022	144	16:1	300	37.44%	1,000	580	0.00%	111	5.22	42,728	30,888	28,150
CVIC2202	8/15/2022	52	16:1	210,500	24.92%	1,100	260	-3.70%	41	6.34	88,622	82,222	74,600
CVPB2203	7/15/2022	21	16:1	9,100	37.44%	1,000	330	-5.71%	47	7.05	35,928	28,888	28,150
CTCB2201	9/20/2022	88	4:1	735,900	32.81%	2,100	160	-5.88%	2	76.11	55,840	55,000	35,500
CMBB2203	9/26/2022	94	2:1	10,900	35.50%	1,900	150	-6.25%	14	11.04	36,080	35,500	23,700
CVIC2204	8/22/2022	59	16:1	246,200	24.92%	1,000	280	-6.67%	39	7.22	89,733	83,333	74,600
CNVL2202	8/15/2022	52	16:1	10,500	24.76%	1,000	250	-7.41%	58	4.34	85,759	79,999	74,000
CSTB2210	7/11/2022	17	2:1	2,342,500	46.64%	2,000	500	-9.09%	300	1.67	29,480	28,500	21,200
CNVL2201	10/5/2022	103	20:1	216,500	24.76%	1,100	200	-9.09%	10	20.31	100,979	93,979	74,000
CVHM2115	8/17/2022	54	9.71:1	101,200	26.36%	1,230	70	-12.50%	0	1,682.94	93,276	94,000	63,200

Tổng 6,219,600 31.79%**

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 24/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CMBB2203 và CVHM2115 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 100.00% và 100.00%. Giá trị giao dịch giảm 8.27%, CFPT2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.91% thị trường.
- CVHM2208, CHPG2202, CVNM2201 và CACB2102 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CNVL2204, CSTB2210, CPDR2202 và CVHM2206 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.CPNJ2201, CFPT2203 và CFPT2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	71.9	-0.8%	0.7	4,576	8.6	3,515	20.5	4.7	48.6%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	122.0	1.2%	0.7	1,286	3.7	5,443	22.4	3.7	49.0%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	54.8	4.0%	1.3	1,769	5.5	2,529	21.7	1.9	26.5%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	48.8	-0.8%	0.6	497	0.0	3,644	13.4	1.5	58.5%	11.1%
VIC	Bất động sản	74.6	0.5%	0.5	12,370	4.9	(578) #N/A	N/A	2.7	12.3%	-2.4%
VRE	Bất động sản	27.6	-1.8%	1.1	2,722	1.2	401	68.7	2.0	31.2%	3.0%
VHM	Bất động sản	63.2	0.0%	0.8	11,965	6.2	8,786	7.2	2.1	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	20.5	1.5%	1.5	541	5.9	1,503	13.6	1.4	31.2%	11.3%
SSI	Chứng khoán	18.6	0.5%	1.7	1,205	9.7	2,841	6.5	1.3	34.7%	22.6%
VCI	Chứng khoán	33.7	-0.3%	1.0	491	6.0	4,884	6.9	1.6	18.6%	26.9%
HCM	Chứng khoán	19.9	-1.0%	1.7	396	3.6	2,619	7.6	1.2	42.6%	17.9%
FPT	Công nghệ	85.5	0.0%	0.9	4,078	3.4	4,293	19.9	4.9	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	68.0	0.7%	0.4	971	0.0	4,926	13.8	3.7	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	114.0	-2.4%	0.9	9,487	4.0	5,109	22.3	4.0	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	40.8	0.2%	1.5	2,254	0.9	1,950	20.9	2.0	17.3%	9.9%
PVS	Dầu khí	24.0	-2.8%	1.5	499	6.3	1,408	17.0	1.0	8.9%	5.5%
BSR	Dầu khí	28.0	0.4%	0.8	3,775	10.5	2,108	13.3	2.3	41.1%	19.1%
DHG	Dược	86.5	0.5%	0.3	492	0.0	6,105	14.2	3.2	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	52.8	-0.4%	1.2	898	3.6	12,920	4.1	1.7	16.7%	50.2%
DCM	Hóa chất	36.0	1.6%	1.2	829	4.5	5,643	6.4	2.1	10.4%	38.9%
VCB	Ngân hàng	75.0	-1.2%	0.8	15,432	2.1	4,855	15.4	3.0	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	31.2	0.6%	1.2	6,862	1.8	2,266	13.8	1.8	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	24.8	-2.0%	1.5	5,171	3.2	2,558	9.7	1.2	26.3%	13.0%
VPB	Ngân hàng	28.2	-1.1%	1.2	5,441	4.5	3,874	7.3	1.4	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	23.7	-1.5%	1.3	3,893	4.0	3,623	6.5	1.4	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	23.8	0.2%	1.1	3,495	1.6	3,081	7.7	1.7	37.5%	24.2%
BMP	Nhựa	54.0	0.2%	0.7	192	0.0	3,150	17.1	1.8	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	37.1	-0.8%	0.6	190	0.0	3,990	9.3	1.5	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	17.9	0.0%	1.5	855	0.2	178	100.6	1.4	10.1%	1.4%
HPG	Thép	21.8	0.0%	1.1	5,511	12.3	5,726	3.8	1.3	21.0%	40.4%
HSG	Thép	15.9	5.0%	1.6	341	7.2	7,157	2.2	0.7	7.3%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	71.5	1.1%	0.6	6,497	5.3	4,390	16.3	4.6	54.5%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	155.6	1.4%	0.8	4,338	0.6	5,969	26.1	4.7	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	109.5	-0.5%	1.0	6,778	2.6	7,041	15.6	5.6	28.7%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	16.0	1.6%	1.6	438	1.5	1,144	14.0	1.2	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	80.0	4.3%	0.8	7,572	0.2	363	220.5	4.6	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	128.3	0.1%	1.1	3,021	3.5	361	355.0	4.1	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	15.3	-0.3%	1.7	1,468	0.5	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	52.0	-1.9%	0.9	681	4.1	2,256	23.1	2.4	45.5%	10.8%
PVT	Vận tải	19.2	-2.5%	1.4	270	1.1	2,088	9.2	1.2	12.4%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	75.0	0.3%	0.9	522	0.2	10,540	7.1	2.3	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	53.0	0.8%	0.7	1,033	3.2	3,677	14.4	3.1	5.3%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.5	-1.6%	1.2	257	0.3	783	19.8	1.1	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	52.0	0.4%	1.3	167	0.3	(27) #N/A	N/A	0.5	48.1%	0.0%
CII	Xây dựng	16.9	0.0%	1.4	185	3.0	1,266	13.3	0.8	10.1%	6.1%
REE	Điện	85.8	0.6%	-1.4	1,326	2.2	5,994	14.3	2.2	49.0%	16.7%
PC1	Điện	38.1	-2.8%	-0.4	390	2.4	3,238	11.8	1.9	4.8%	16.9%
POW	Điện	13.6	-2.5%	0.6	1,380	6.6	859	15.8	1.1	2.3%	6.9%
NT2	Điện	24.3	-2.8%	0.6	304	2.3	1,933	12.6	1.6	13.5%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	30.1	1.3%	1.5	1,005	3.3	866	34.8	1.6	18.8%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	62.3	-2%	0.9	2,804	0.1	1,190	52.4	3.9	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	71.50	1.13	0.44	1.68MLN
BVH	54.80	3.98	0.41	2.32MLN
VIC	74.60	0.54	0.40	1.51MLN
SAB	155.60	1.43	0.37	84000
BID	31.20	0.65	0.27	1.33MLN

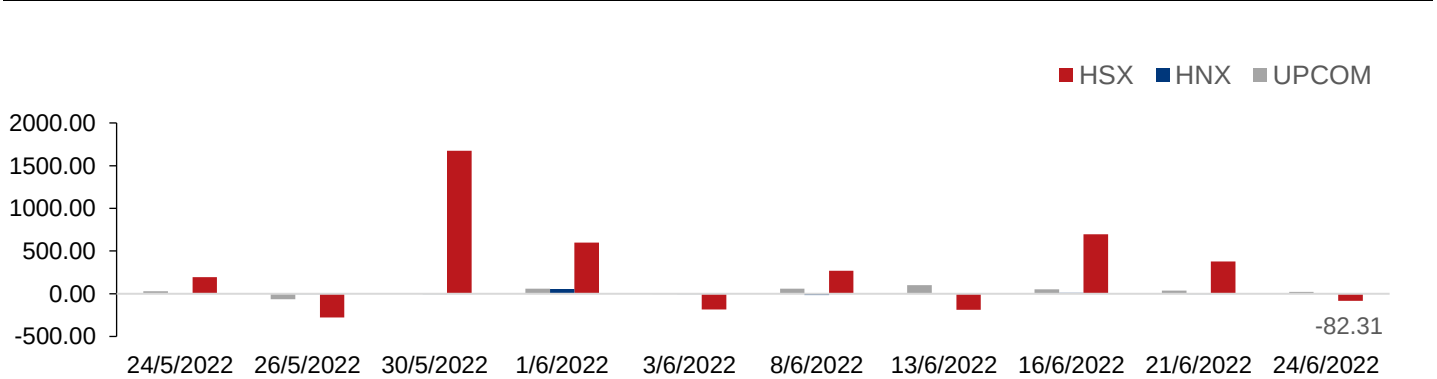
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-1.40	806000	1.11MLN
VCB	0.00	-1.12	648600	607060
CTG	0.00	-0.63	2.95MLN	373600
NVL	0.00	-0.46	3.88MLN	192700
TCB	0.00	-0.41	2.97MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OGC	10.45	6.96	0.05	67600.00
FLC	4.63	6.93	0.06	4.12MLN
HDC	36.35	6.91	0.05	1.85MLN
ROS	2.63	6.91	0.03	7.10MLN
FTS	32.50	6.91	0.08	331100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SSC	36.00	-13.25	-0.02	500
LAF	19.35	-6.97	-0.01	1100
DAT	17.90	-6.77	-0.02	2600.00
AGM	26.00	-6.31	-0.01	252500
COM	52.10	-6.29	-0.01	4100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	63.1	3,434	18.4	5.1	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	122.0	5,443	22.4	3.7	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.5	1,701	7.9	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	24.3	1,933	12.6	1.6	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	74.8	10,029	7.5	1.4	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	90.7	4,874	18.6	5.9	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	38.1	3,238	11.8	1.9	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	13.0	-129	#N/A N/A	0.7	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	85.5	4,293	19.9	4.9	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	27.2	2,466	11.0	1.8	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	17.3	9,632	1.8	0.7	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.6	859	15.8	1.1	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	122.0	5,443	22.4	3.7	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	71.9	3,515	20.5	4.7	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.2	2,088	9.2	1.2	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	122.6	8,710	14.1	6.2	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	21.8	5,726	3.8	1.3	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	30.1	866	34.8	1.6	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	22.2	5,084	4.4	1.4	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	20.5	1,503	13.6	1.4	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	119.5	8,596	13.9	5.3	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	57.0	2,136	26.7	2.9	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	29.8	2,701	11.0	2.1	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	90.0	8,331	10.8	2.6	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	29.5	1,941	15.2	1.3	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.8	3,644	13.4	1.5	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	24.0	1,408	17.0	1.0	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	114.0	5,109	22.3	4.0	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	18.9	3,141	6.0	1.2	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	52.0	-27	#N/A N/A	0.5	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.5	1,701	7.9	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	9.7	1,350	7.2	0.4	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	9.7	1,350	7.2	0.4	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	9.9	2,433	4.1	0.8	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	122.0	5,443	22.4	3.7	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	122.0	5,443	22.4	3.7	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	71.9	3,515	20.5	4.7	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	43.6	2,762	15.8	3.1	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	36.0	1,900	19.0	1.6	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	28.0	2,108	13.3	2.3	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	16.0	1,034	15.5	0.9	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	90.0	8,331	10.8	2.6	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	43.8	2,916	15.0	2.3	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	11.8	689	17.1	0.9	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	18.2	1,956	9.3	0.9	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.3	3661.8	12.1	1.8	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	24.3	1,933	12.6	1.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
5	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
6	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
7	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
10	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
13	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
15	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
16	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
19	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
22	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
25	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
28	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
31	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
33	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
35	Banking Sector Outlook		x	Click
36	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
38	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
39	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
40	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
41	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
43	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
44	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639